

Số: 5021/TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2023

V/v thực hiện Nghị định số
68/2023/NĐ-CP ngày
07/9/2023 của Chính phủ

Kính gửi: Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Ngày 07/9/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 68/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ ban hành Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2022-2027, có hiệu lực thực hiện từ ngày 07/9/2023. Theo đó, Nghị định số 68/2023/NĐ-CP đã bổ sung Ma-lay-xi-a, Cộng hòa Chi Lê, Bru-nây Đa-rút-xa-lam để áp dụng thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định CPTPP giai đoạn 2022-2027.

Để thực hiện Nghị định, Tổng cục Hải quan yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố phổ biến, hướng dẫn cán bộ, công chức hải quan và các doanh nghiệp làm thủ tục hải quan tại đơn vị tra cứu Nghị định số 68/2023/NĐ-CP ngày 07/9/2023 để thực hiện khai báo theo đúng quy định và lưu ý một số nội dung như sau:

1. Đối với hàng hóa nhập khẩu từ Ma-lay-xi-a, Cộng hòa Chi Lê, Bru-nây Đa-rút-xa-lam vào Việt Nam

- Hàng hóa nhập khẩu từ các nước trên nếu đáp ứng các điều kiện áp dụng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CPTPP theo quy định tại Khoản 7 Điều 5 Nghị định số 115/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 và Khoản 3, Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 68/2023/NĐ-CP ngày 07/9/2023 thì người khai hải quan thực hiện kê khai mã Biểu thuế B21 trên tờ khai nhập khẩu.

- Đối với các mặt hàng nhập khẩu áp dụng hạn ngạch thuế quan thuộc nhóm 04.07, 17.01, 24.01, 25.01:

+ Hàng hóa nhập khẩu từ Ma-lay-xi-a, Cộng hòa Chi Lê, Bru-nây Đa-rút-xa-lam thuộc nhóm 04.07, 17.01, 25.01 trong lượng hạn ngạch thuế quan hàng năm theo quy định của Bộ Công Thương (ký hiệu TRQ1) và hàng hóa thuộc nhóm 24.01 nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan thực hiện Hiệp định CPTPP theo quy định của Bộ Công Thương (ký hiệu là TRQ2), đáp ứng các điều kiện để được hưởng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CPTPP theo quy định tại Khoản 7 Điều 5 Nghị định số 115/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 và Khoản 3, Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 68/2023/NĐ-CP ngày 07/9/2023, thì người khai hải quan thực hiện kê khai mã Biểu thuế B21 và áp dụng thuế suất trong hạn ngạch quy định tại Phụ lục II theo khoản 4 Điều 5 Nghị định số 115/2022/NĐ-CP.

+ Hàng hóa nhập khẩu từ Ma-lay-xi-a, Cộng hòa Chi Lê, Bru-nây Đa-rút-xa-lam thuộc nhóm 04.07, 17.01, 25.01 ngoài lượng hạn ngạch thuế quan TRQ1 hoặc TRQ2 quy định tại Nghị định số 115/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 thì áp dụng các

mức thuế suất nhập khẩu theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ (hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 14/7/2023) và Điều 10 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ (hiệu lực thi hành từ ngày 15/7/2023).

- Đối với mặt hàng ô tô đã qua sử dụng thuộc nhóm 87.02, 87.03, 87.04 nhập khẩu trong lượng hạn ngạch thuế quan thực hiện Hiệp định CPTPP từ Ma-lay-xi-a, Cộng hòa Chi Lê, Bru-nây Đa-rút-xa-lam, đáp ứng các điều kiện để được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CPTPP thì người khai hải quan thực hiện kê khai mã Biểu thuế B22 và áp dụng thuế suất quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 115/2022/NĐ-CP.

Đối với mặt hàng ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu ngoài lượng hạn ngạch thuế quan thực hiện Hiệp định CPTPP hoặc trong hạn ngạch thuế quan nhưng không đủ điều kiện để hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CPTPP thì áp dụng thuế suất nhập khẩu theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ (hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 14/7/2023) và Điều 7 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ (hiệu lực thi hành từ ngày 15/7/2023).

2. Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam vào Ma-lay-xi-a, Cộng hòa Chi Lê, Bru-nây Đa-rút-xa-lam

Hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam được nhập khẩu vào lãnh thổ các nước: Ma-lay-xi-a, Cộng hòa Chi Lê, Bru-nây Đa-rút-xa-lam, người khai hải quan thực hiện kê khai mã số và áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu quy định tại Phụ lục I – Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 (hiệu lực thi hành từ ngày 10/7/2020 đến hết ngày 14/7/2023) và Nghị định số 101/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 (hiệu lực thi hành từ ngày 30/12/2021 đến hết ngày 14/7/2023) và Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ (hiệu lực thi hành từ ngày 15/7/2023) và Nghị định sửa đổi, bổ sung.

3. Về xử lý tiền thuế nộp thừa

Việc xử lý tiền thuế nộp thừa đối với các tờ khai hải quan của hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam vào các nước Ma-lay-xi-a, Cộng hòa Chi Lê, Bru-nây Đa-rút-xa-lam hoặc nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước Ma-lay-xi-a, Cộng hòa Chi Lê, Bru-nây Đa-rút-xa-lam thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 68/2023/NĐ-CP ngày 07/9/2023.

Tổng cục Hải quan thông báo để các đơn vị biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Đức Chí (để báo cáo);
- TCT Nguyễn Văn Cẩn (để báo cáo);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Vụ HTQT, CST, Pháp chế - BTC (để phối hợp t/hiện);
- Cục GSQL, Cục CNTT, Cục KTSTQ, Cục QLRR (để t/hiện);
- Lưu: VT, TXNK. (3b)

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Hoàng Việt Cường